

BẢN SAO

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM

Số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp: Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên) (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Đăng Cấn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2012)
Bà Nguyễn Thị Duyên	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2012)
Ông Đặng Kim Khôi	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Tố Trinh	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Kim Khôi	Tổng Giám đốc
Ông Trần Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lâm Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thân Hồng Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Khanh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cầu được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM

Số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Đặng Kim Khôi

Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 5 năm 2013



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3324/2013/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") từ trang 6 đến trang 30 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2 và 3, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ những hạn chế trong phạm vi kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế trong phạm vi kiểm toán

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê quỹ tiền mặt, tài sản cố định và lượng hàng tồn kho của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm là kiểm toán. Với những tài liệu hiện có mà Tổng công ty cung cấp, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về sự hiện hữu cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)
Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1402/KTV

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.
Số chứng thực.....1.4.3.1. Quyển số: 2. - SCT/BS

Ngày: 18 -06- 2015



CHỦ TỊCH
Diệp Lưu Phúc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		284.739.472.626	260.187.868.136
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	101.307.455.112	187.587.370.410
1. Tiền	111		23.714.077.612	95.798.168.410
2. Các khoản tương đương tiền	112		77.593.377.500	91.789.202.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	104.996.181.476	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		104.996.181.476	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.115.445.822	16.828.861.442
1. Phải thu của khách hàng	131		18.860.263.007	13.269.873.460
2. Trả trước cho người bán	132		1.023.319.875	-
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	5.351.606.820	4.034.726.024
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.119.743.880)	(475.738.042)
IV. Hàng tồn kho	140		52.211.001.898	53.384.275.072
1. Hàng tồn kho	141	V.4	52.211.001.898	53.384.275.072
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.109.388.318	2.387.361.212
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		218.695.520	419.484.952
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	2.890.692.798	1.967.876.260
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		117.272.153.014	105.631.787.559
I. Tài sản cố định	220		8.906.756.353	9.490.153.432
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	6.532.586.695	6.174.314.530
- Nguyên giá	222		20.209.418.097	18.465.595.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.676.831.402)	(12.291.280.841)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.374.169.658	3.315.838.902
- Nguyên giá	228		4.708.346.220	4.708.346.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.334.176.562)	(1.392.507.318)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		107.924.053.768	95.620.248.149
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	75.039.459.708	73.262.499.189
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	33.357.748.960	22.357.748.960
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.10	(473.154.900)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		441.342.893	521.385.978
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	417.342.893	497.385.978
2. Tài sản dài hạn khác	268		24.000.000	24.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		402.011.625.640	365.819.655.695

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		141.571.869.566	120.144.547.448
I. Nợ ngắn hạn	310		137.144.084.008	113.534.547.691
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	2.900.000.000	870.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		2.057.369.285	979.306.376
3. Người mua trả tiền trước	313		64.142.162.720	55.527.355.117
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	4.379.318.444	6.071.446.922
5. Phải trả người lao động	315		16.407.973.041	12.503.710.386
6. Chi phí phải trả	316	V.14	1.821.038.502	833.178.433
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	15.485.558.108	15.366.915.544
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		29.950.663.908	21.382.634.913
II. Nợ dài hạn	330		4.427.785.558	6.609.999.757
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332		4.427.785.558	4.827.494.474
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	200.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.582.505.283
B. NGUỒN VỐN	400		260.439.756.074	245.675.108.247
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	260.438.592.549	245.673.944.722
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		88.059.895.644	86.282.935.125
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		46.348.348.003	33.747.018.866
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	56.869.081
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.797.147.482	3.797.147.482
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.753.723.582	9.914.744.556
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.829.190.327	28.378.904.914
7. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		58.229.337	58.229.337
8. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		85.592.058.174	83.438.095.361
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.163.525	1.163.525
1. Nguồn kinh phí	432		1.163.525	1.163.525
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		402.011.625.640	365.819.655.695



Đang Kim Liên
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 5 năm 2013

Phạm Vũ Thành
Người lập

Nguyễn Thị Đoàn Trang
Phó phòng TCKT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		148.874.241.914	174.402.677.353
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	148.874.241.914	174.402.677.353
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	126.254.358.611	147.391.432.999
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.619.883.303	27.011.244.354
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	30.158.947.465	29.464.473.297
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	491.717.400	154.950.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.562.500	103.650.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.396.148.818	22.128.571.075
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.890.964.550	34.192.196.576
11. Thu nhập khác	31		185.960.294	639.169.907
12. Chi phí khác	32		118.159.231	416.045.179
13. Lợi nhuận khác	40		67.801.063	223.124.728
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.958.765.613	34.415.321.304
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	5.118.689.938	6.405.210.708
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.840.075.675	28.010.110.596



Đặng Kim Khôi
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 5 năm 2013

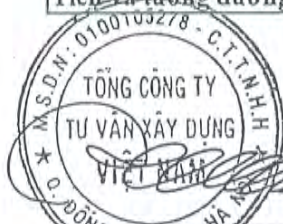
Phạm Vũ Thành
Người lập

Nguyễn Thị Đoàn Trang
Phó phòng TCKT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	161.458.654.240	185.166.174.120
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(50.222.089.338)	(76.797.641.839)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(66.177.735.567)	(66.740.066.734)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(18.562.500)	(185.900.658)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(7.247.739.542)	(6.511.705.430)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	186.614.477.061	154.830.581.913
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(218.623.409.303)	(177.314.413.316)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.783.595.051	12.447.028.056
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(323.552.725)	(746.753.118)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	-	4.600.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(382.341.056.476)	(353.316.122.002)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	280.559.325.000	411.101.101.290
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(14.214.450.000)	(9.070.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	8.270.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.226.223.852	22.591.823.496
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(94.093.510.349)	78.834.649.666
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.700.000.000	600.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.670.000.000)	(100.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.178.809)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.030.000.000	498.821.191
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(86.279.915.298)	91.780.498.913
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	187.587.370.410	95.806.871.497
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	101.307.455.112	187.587.370.410



Đặng Kim Kì
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 5 năm 2013

Phạm Vũ Thành
Người lập

Nguyễn Thị Đoàn Trang
Phó phòng TCKT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam là Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 744/QĐ-BXD ngày 22 tháng 07 năm 2010 của Bộ Xây dựng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 310.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 514 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 618 người).

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Tư vấn đầu tư và xây dựng, tổng thầu tư vấn kể cả hình thức EPC các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và các loại hình công trình khác bao gồm các dịch vụ:
- Lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng;
- Thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn;
- Lập và thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật;
- Tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc;
- Lập định mức xây dựng, lập đơn giá xây dựng công trình;
- Kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng: Tổng mức đầu tư, dự toán công trình, định mức xây dựng, đơn giá xây dựng công trình, hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Tư vấn đầu thầu;
- Quản lý dự án xây dựng;
- Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị;
- Kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm đất, đá, nước, nền, các loại cọc móng công trình và vật liệu xây dựng;
- Khảo sát xây dựng công trình; khảo sát đo đạc; đo vẽ bản đồ địa hình; đo lún, đo độ nghiêng; đo độ dịch chuyển và định vị công trình;
- Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Đánh giá tác động môi trường, điều tra xã hội về đô thị và các công trình xây dựng;
- Tư vấn thiết kế đường dây và trạm biến áp 220KV, hệ thống điện, âm thanh, thông tin, điện thoại, hệ thống điều khiển toàn nhà, hệ thống thông gió cấp nhiệt và điều hòa không khí, xử lý môi trường khí, khảo sát đo đạc hệ thống chống sét; hệ thống gas;
- Tư vấn thiết kế hệ thống báo cháy, chữa cháy và thiết bị bảo vệ;
- Tư vấn thiết kế chống mối cho các công trình xây dựng;
- Thiết kế hệ thống cấp, thoát nước trong và ngoài nhà; xử lý nước thải, chất rắn;
- Tư vấn xây dựng các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
- Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9000;
- Thiết kế trang trí nội, ngoại thất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

- Thi công xây lắp công trình; xử lý nền móng các công trình; thi công khai thác nước ngầm; thi công trang trí nội, ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về lĩnh vực tư vấn xây dựng và cấp chứng nhận đào tạo các lĩnh vực tư vấn xây dựng;
- Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phát triển và triển khai công nghệ trong lĩnh vực quy hoạch và kiến trúc xây dựng.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là tư vấn đầu tư và xây dựng, tổng thầu tư vấn kể cả hình thức EPC các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và các loại hình công trình khác.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244 /2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đồng thời Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2011/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	03
Phương tiện vận tải	03
Thiết bị văn phòng	02

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm Autodesk và phần mềm kết cấu chuyên dụng trong tính toán và thiết kế nhà cao tầng (Etabs) có thời gian khấu hao 5 năm.

Các khoản đầu tư dài hạn

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh tư vấn đầu tư và xây dựng, tổng thầu tư vấn kể cả hình thức EPC các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và các loại hình công trình khác; ... và các doanh thu khác.

Doanh thu được ghi nhận căn cứ theo biên bản nghiệm thu thanh lý hoặc theo tiến độ thanh toán và yêu cầu xuất hóa đơn của chủ đầu tư.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	10.071.359.784	5.259.091.399
Tiền gửi ngân hàng	13.642.717.828	90.539.077.011
Các khoản tương đương tiền	77.593.377.500	91.789.202.000
Cộng	101.307.455.112	187.587.370.410

(*) Chi tiết tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	15.500.000.000	31.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	52.616.677.500	51.489.202.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	8.623.000.000	8.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	853.700.000	800.000.000
Cộng	77.593.377.500	91.789.202.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	3.100.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	101.896.181.476	-
Cộng	104.996.181.476	-

3. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	2.581.182.330	2.914.551.252
Tiền cổ tức phải thu	2.286.348.000	683.400.000
Phải thu cán bộ nhân viên	23.053.412	40.480.000
Bảo hiểm xã hội	177.709.504	81.567.175
Các đối tượng khác	283.313.574	314.727.597
Cộng	5.351.606.820	4.034.726.024

4. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ, dụng cụ	8.713.636	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	52.202.288.262	53.384.275.072
Cộng	52.211.001.898	53.384.275.072

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	2.659.635.998	1.741.819.460
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	231.056.800	226.056.800
Cộng	2.890.692.798	1.967.876.260

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	7.029.114.131	1.572.808.859	4.717.597.796	5.146.074.585	18.465.595.371
Mua trong năm	-	1.482.700.000	-	261.122.726	1.743.822.726
Tại ngày 31/12/2012	<u>7.029.114.131</u>	<u>3.055.508.859</u>	<u>4.717.597.796</u>	<u>5.407.197.311</u>	<u>20.209.418.097</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	2.255.643.944	1.240.287.294	4.138.569.162	4.656.780.441	12.291.280.841
Khấu hao trong năm	258.053.325	356.941.158	377.753.599	392.802.479	1.385.550.561
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.513.697.269</u>	<u>1.597.228.452</u>	<u>4.516.322.761</u>	<u>5.049.582.920</u>	<u>13.676.831.402</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	<u>4.773.470.187</u>	<u>332.521.565</u>	<u>579.028.634</u>	<u>489.294.144</u>	<u>6.174.314.530</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.515.416.862</u>	<u>1.458.280.407</u>	<u>201.275.035</u>	<u>357.614.391</u>	<u>6.532.586.695</u>

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 9.911.337.163 đồng.

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2012	4.708.346.220	4.708.346.220
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.708.346.220</u>	<u>4.708.346.220</u>
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2012	1.392.507.318	1.392.507.318
Khấu hao trong năm	941.669.244	941.669.244
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.334.176.562</u>	<u>2.334.176.562</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2012	<u>3.315.838.902</u>	<u>3.315.838.902</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.374.169.658</u>	<u>2.374.169.658</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM

Số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
CTCP Tư vấn xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	683.410	6.834.102.000	683.410	6.834.102.000
CTCP Tư vấn đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam - CDC (*)	448.800	2.499.000.000	448.800	2.499.000.000
CTCP Tin học và Tư vấn xây dựng - CIC	330.750	3.307.500.000	330.750	3.307.500.000
CTCP Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO	1.122.000	11.220.000.000	1.122.000	11.220.000.000
CTCP Tư vấn Xây dựng tổng hợp - NAGECCO	1.377.000	13.770.000.000	1.377.000	13.770.000.000
CTCP Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam - VCC	918.000	9.180.000.000	918.000	9.180.000.000
CTCP Nước và môi trường Việt Nam - WIWASE	1.060.500	10.605.000.000	1.060.500	10.605.000.000
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng - INCOSAF	-	4.985.640.683	-	4.396.942.789
Công ty TNHH Nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng - USCO	-	12.638.217.025	-	11.449.954.400
Cộng	5.940.460	75.039.459.708	5.940.460	73.262.499.189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu/ tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
CTCP Tư vấn xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	Số 235, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	51%	Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng; khảo sát và giám sát công trình xây dựng; thi công và cung cấp vật tư thiết bị xây dựng.
CTCP Tư vấn đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam - CDC (*)	Số 37 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	51%	Lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng; khảo sát địa hình và khảo sát địa chất đo đạc công trình xây dựng.
CTCP Tin học và Tư vấn xây dựng - CIC	Số 37 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	67.5%	Sản xuất, phát triển khai thác và cung cấp sản phẩm phần mềm và các dịch vụ CNTT, thương mại điện tử, dịch vụ GTGT trên mạng.
CTCP Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO	Số 4, Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội	51%	Lập dự án đầu tư xây dựng; thẩm định dự án; kiểm định xây dựng.
CTCP Tư vấn Xây dựng tổng hợp - NAGECCO	Số 29 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Hồ Chí Minh	51%	Thiết kế xây dựng; Khảo sát đo đạc địa hình xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng.
CTCP Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam - VCC	Số 10, Hoa Lư, Hai Bà Trưng, Hà Nội	51%	Tổng thầu tư vấn các dự án vốn đầu tư trong nước, nước ngoài tại VN; Quy hoạch xây dựng vùng; Lập, thẩm tra báo cáo đầu tư.
CTCP Nước và môi trường Việt Nam - WIWASE	Số 5, Đường Thành, Hoàn Kiếm, Hà Nội	50.5%	Tư vấn, tổng thầu tư vấn, khảo sát, thiết kế, quản lý dự án công trình cấp, thoát nước.; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng - INCOSAF	Số 4, Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội	100%	Kiểm định an toàn các máy, thiết bị, vật tư; Thực hiện các dịch vụ tư vấn an toàn lao động; Đào tạo sát hạch về an toàn lao động.
Công ty TNHH Nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng USCO	Số 91 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	100%	Khảo sát địa chất công trình; Đo đạc thành lập bản đồ; Thí nghiệm mẫu cơ lý, hóa, vật liệu xây dựng, môi trường và kiểm định xây dựng.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM

Số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Cho vay dài hạn				
CTCP Tư vấn xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	-	11.000.000.000	-	-
Đầu tư dài hạn khác				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội SHB	57.489	812.340.000	57.489	812.340.000
Công ty CP Bất động sản LILAMA LAND	1.300.000	13.000.000.000	1.300.000	13.000.000.000
Công ty CP Địa ốc Tân Cảng	800.000	8.000.000.000	800.000	8.000.000.000
Công ty Tư vấn Công trình Châu Á Thái Bình Dương	-	545.408.960	-	545.408.960
Cộng	2.157.489	33.357.748.960	2.157.489	22.357.748.960

10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội SHB	(473.154.900)	-
Cộng	(473.154.900)	-

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	417.342.893	497.385.978
Cộng	417.342.893	497.385.978

12. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay cá nhân	2.900.000.000	870.000.000
Cộng	2.900.000.000	870.000.000

Các khoản vay cá nhân có thời hạn vay dưới 1 năm với lãi suất 0%. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.369.999.093	1.251.885.434
Thuế thu nhập doanh nghiệp	187.548.517	2.316.673.121
Thuế thu nhập cá nhân	2.175.026.637	2.502.888.367
Thuế khác	646.744.197	-
Cộng	4.379.318.444	6.071.446.922

14. Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí dự án trích trước	1.444.271.686	-
Chi phí bảo hiểm công trình	376.766.816	833.178.433
Cộng	1.821.038.502	833.178.433

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	45.131.864	20.622.240
Các khoản phải trả khác	15.440.426.244	15.346.293.304
Cộng	15.485.558.108	15.366.915.544

16. Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 310.000.000.000 đồng. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012; tình hình góp vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	88.059.895.644	86.282.935.125
Vốn góp của Nhà nước	88.059.895.644	86.282.935.125
Vốn khác của chủ sở hữu	46.348.348.003	33.747.018.866
Vốn bổ sung từ lợi nhuận	41.848.348.003	29.247.018.866
Vốn góp của công ty con vào Công ty Lilamaland	4.500.000.000	4.500.000.000
Cộng	134.408.243.647	120.029.953.991

(i) Khoản góp vốn của các công ty con vào Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam (VNCC) để VNCC góp vốn vào Công ty Cổ phần Bất động sản LilamaLand.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ 09-DN

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM
Số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Thay đổi trong Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2011	86.389.183.226	-	33.747.018.866	3.879.169.446	-	3.797.147.482	9.914.744.557	238.447.979	58.229.337	80.611.904.537	218.635.845.430	-	-	-	-	28.010.110.596	-	28.010.110.596
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	28.010.110.596	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	602.000	-	-	56.869.081	-	-	5.979.999	130.346.339	-	-	2.826.190.824	-	-	-	-	-	-	3.019.988.243
Giảm khác	(106.850.101)	-	-	(3.879.169.446)	-	-	(5.980.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.991.999.547)
Số dư tại 31/12/2011	86.282.935.125	-	33.747.018.866	56.869.081	-	3.797.147.482	9.914.744.556	28.378.904.914	58.229.337	83.438.095.361	245.673.944.722	-	-	-	-	-	-	1.776.960.519
Tăng vốn tại các công ty con (*)	1.776.960.519	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	23.840.075.675
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	23.840.075.675	-	-	-	-	-	-	(12.747.709.381)
Phân phối quỹ	-	-	12.588.498.674	-	-	-	2.815.134.228	(28.151.342.283)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.667.949.372
Tăng khác	-	-	12.830.463	-	-	-	23.844.798	(238.447.979)	-	-	2.869.722.090	-	-	-	-	-	-	(772.628.358)
Giảm khác	-	-	-	(56.869.081)	-	-	-	-	-	-	(715.759.277)	-	-	-	-	-	-	260.438.592.549
Số dư tại 31/12/2012	88.059.895.644	-	46.348.348.003	-	-	3.797.147.482	12.753.723.582	23.829.190.327	58.229.337	85.592.058.174	260.438.592.549	-	-	-	-	-	-	260.438.592.549

Theo Quyết định số 11/2004/QĐ - BXD ngày 11/05/2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Khảo sát và Xây dựng thành Công ty TNHH Nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng (Usco); và Quyết định số 71/2009/QĐ - BXD ngày 21/01/2009 về việc chuyển Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật, An toàn Xây dựng thành Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn Xây dựng - Incosaf, Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam đã ghi nhận bổ sung khoản đầu tư vào công ty con và tăng vốn chủ sở hữu tương ứng phần còn thiếu là 588.697.894 đồng (Incosaf) và 1.188.262.625 đồng (Usco)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾTQUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	148.874.241.914	174.402.677.353
Cộng	148.874.241.914	174.402.677.353

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	126.254.358.611	147.391.432.999
Cộng	126.254.358.611	147.391.432.999

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.360.587.044	13.305.352.272
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư vào công ty con	8.425.643.170	9.334.163.554
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	58.797.251	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	6.672.077.471
Doanh thu tài chính khác	313.920.000	152.880.000
Cộng	30.158.947.465	29.464.473.297

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	18.562.500	103.650.000
Chi phí tài chính khác	-	51.300.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	473.154.900	-
Cộng	491.717.400	154.950.000

5. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.958.765.613	34.415.321.304
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	8.484.440.421	9.334.163.554
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	434.558	539.685.082
Thu nhập chịu thuế	20.474.759.750	25.620.842.832
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp	5.118.689.938	6.405.210.708
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.118.689.938	6.405.210.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	101.307.455.112	187.587.370.410
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.092.125.947	16.828.861.442
Đầu tư ngắn hạn	104.996.181.476	-
Đầu tư dài hạn	32.884.594.060	22.357.748.960
Cộng	261.280.356.595	226.773.980.812
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	2.900.000.000	1.070.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	17.542.927.393	16.346.221.920
Chi phí phải trả	1.821.038.502	833.178.433
Cộng	22.263.965.895	18.249.400.353

Tổng Công ty chưa thực hiện công tác đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ ít, theo đó, Tổng Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty phát sinh các khoản vay ít, vì vậy Tổng Công ty chịu ít rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay đã được ký kết.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động vốn ngân sách nhà nước và thường xuyên đối chiếu công nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà

Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM

Số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃ SỐ 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	17.542.927.393	-	17.542.927.393
Chi phí phải trả	1.821.038.502	-	1.821.038.502
Các khoản vay	2.900.000.000	-	2.900.000.000
Cộng	22.263.965.895	-	22.263.965.895
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	16.346.221.920	-	16.346.221.920
Chi phí phải trả	833.178.433	-	833.178.433
Các khoản vay	1.070.000.000	-	1.070.000.000
Cộng	18.249.400.353	-	18.249.400.353

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2012			
Tiền	101.307.455.112	-	101.307.455.112
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.092.125.947	-	22.092.125.947
Đầu tư ngắn hạn	104.996.181.476	-	104.996.181.476
Đầu tư dài hạn	-	32.884.594.060	32.884.594.060
Cộng	228.395.762.535	32.884.594.060	261.280.356.595
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2012			
Tiền	187.587.370.410	-	187.587.370.410
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.828.861.442	-	16.828.861.442
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	22.357.748.960	22.357.748.960
Cộng	204.416.231.852	22.357.748.960	226.773.980.812

2. Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Cho vay vốn		
CTCP Tư vấn Xây dựng Công trình vật liệu XD	11.000.000.000	-
Cộng	11.000.000.000	-
Thanh toán tiền lãi vay vốn		
CTCP Tư vấn Xây dựng Công trình vật liệu XD	469.333.332	-
Cộng	469.333.332	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM

Số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Giao dịch với các bên liên quan****Tiền cổ tức được chia**

Công ty CP Tư vấn Công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO	1.889.448.000	2.160.972.000
Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình vật liệu xây dựng - CCBM	-	683.400.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	100.308.400
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam	673.200.000	628.711.154
Công ty CP Tư vấn Xây dựng tổng hợp	1.652.400.000	1.790.100.000
Công ty Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương	371.415.600	367.002.000
Công ty CP Tin học và Tư vấn xây dựng - CIC	396.900.000	363.770.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam	1.533.379.570	1.331.000.000
Công ty CP nước và Môi trường Việt Nam	1.908.900.000	1.908.900.000
Cộng	8.425.643.170	9.334.163.554

Thu tiền quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp

Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình vật liệu xây dựng	32.661.622	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam	72.184.172	-
Công ty CP Tin học và Tư vấn Xây dựng	90.705.009	-
Công ty CP Tư vấn Công nghệ, thiết bị và Kiểm định xây dựng	739.676.151	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng tổng hợp	534.028.618	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam	230.133.369	-
Công ty CP nước và Môi trường Việt Nam	478.729.154	-
Cộng	2.178.118.095	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM

Số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình vật liệu xây dựng	130.339.000	813.739.000
Công ty CP Tin học và Tư vấn Xây dựng	414.900.000	-
Công ty CP Tư vấn Công nghệ, thiết bị và Kiểm định xây dựng	1.889.448.000	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng tổng hợp	9.600.000	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam	4.000.000	-
Cộng	2.448.287.000	813.739.000
Các khoản phải trả		
Công ty TNHH MTV Khảo sát và Xây dựng	65.000.000	65.000.000
Cộng	65.000.000	65.000.000

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 là số liệu đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế năm 2010 và năm 2011 của Trung tâm Tư vấn Xây dựng VNCC và Chi nhánh Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh (Tiếp theo)

<u>Nội dung sai sót theo Biên bản kiểm tra thuế</u>	<u>Số tiền</u>
- Thuế GTGT ghi nhận thiếu năm 2011	59.435.160
- Chi phí khác hạch toán thiếu năm 2011	7.018.429
- Chi phí quản lý hạch toán thiếu năm 2011	5.155.892
- Chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2011 hạch toán thiếu	129.057.366

Các sai sót này làm cho Báo cáo tài chính năm 2011 bị ảnh hưởng như sau:

<u>Chỉ tiêu trên Báo cáo</u>	<u>Ảnh hưởng của các sai sót VND</u>
Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011	
Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng	5.155.892
Chi phí khác tăng	7.018.429
Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng	129.057.366
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm	141.231.687
Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2012	
Các khoản phải thu khác tăng	184.625.607
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng	188.492.526
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tăng	7.018.429
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm	(10.885.348)

Số liệu Báo cáo của các chỉ tiêu trên trước điều chỉnh và sau điều chỉnh:

<u>Chỉ tiêu trên Báo cáo</u>	<u>Trước điều chỉnh VND</u>	<u>Sau điều chỉnh VND</u>
Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	174.402.677.353	174.402.677.353
Giá vốn hàng bán	147.391.432.999	147.391.432.999
Doanh thu hoạt động tài chính	29.464.473.297	29.464.473.297
Chi phí hoạt động tài chính	154.950.000	154.950.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.123.415.183	22.128.571.075
Thu nhập khác	639.169.907	639.169.907
Chi phí khác	409.026.750	416.045.179
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.427.495.625	34.415.321.304
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.276.153.342	6.405.210.708
Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.151.342.283	28.010.110.596
Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2012		
Các khoản phải thu khác tăng	3.850.100.417	4.034.726.024
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng	5.882.954.396	6.071.446.922
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tăng	15.359.897.115	15.366.915.544
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm	28.389.790.262	28.378.904.914

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM

Số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định điều chỉnh, phân loại lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng việc điều chỉnh, phân loại lại và công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp điều chỉnh, phân loại lại này sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.



Đặng Kim-Khôi

Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 5 năm 2013

Phạm Vũ Thành

Người lập

Nguyễn Thị Đoan Trang

Phó phòng TCKT

